

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 05/2024/DSST
Ngày: 03/01/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trần Thu Hồng**.

Ông **Nguyễn Đức Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông **Trần Việt Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2023/QĐST-DS ngày 19/12/2023, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: ấp Bình Hòa Long, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

+ Bị đơn: **Lê Thị X**, sinh năm 1978;

Lê Văn T, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: ấp Bình Hòa Long, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Bà N có mặt; anh T, chị X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà N trình bày:

Bà và vợ chồng anh Lê Văn T, chị Lê Thị X là hàng xóm, láng giềng nên bà có cho vợ chồng anh T, chị X vay hai lần tiền, cụ thể:

Ngày 07/02/2023, vợ chồng anh T, chị X vay số tiền 80.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, khi nào cần vốn thì tôi báo cho anh chị biết sẽ trả lại tiền, hai bên có làm biên nhận nợ do chị X viết và vợ chồng chị cùng ký tên.

Ngày 20/4/2023, vợ chồng anh T, chị X tiếp tục vay số tiền 25.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, hẹn trả trong vòng 12 ngày nhưng đến nay vẫn không trả. Khi vay thì chị X có làm biên nhận nợ và ký tên xác nhận. Từ khi nhận tiền đến nay, vợ chồng anh T không trả vốn, cũng như không trả lãi, bà đã yêu cầu anh chị trả nhiều lần nhưng anh chị cố tình né tránh, không chịu trả.

Nay, bà yêu cầu vợ chồng anh T, chị X có nghĩa vụ trả số tiền 105.000.000đồng và trả lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 20/4/2023 đến ngày Tòa án xét xử, tạm tính đến ngày 20/7/2023 là 3.150.000đồng. Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn anh T trình bày: Anh và chị X là vợ chồng. Tiền do vợ anh trực tiếp mượn, anh không có tham gia mượn. Vợ anh mượn tiền về phục vụ ăn uống, chi tiêu trong gia đình và cất nhà ở. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, anh đồng ý trả nhưng xin trả dần dần vì hiện nay đất đai đang thế chấp vay Ngân hàng, vợ anh đi làm thành phố Hồ Chí Minh kiếm tiền trả nợ.

* Bị đơn chị X vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:***

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc chị X, anh T có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vốn là 105.000.000đồng và tiền lãi, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa chị bà Nguyễn Thị N và anh Lê Văn T, Lê Thị X là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét giải quyết theo Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn anh T có đơn xin vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trung.

Bị đơn chị X vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị.

[3] Về nội dung:

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện anh T, chị X trả số tiền vốn 105.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét yêu cầu khởi kiện của bà N là có cơ sở bởi lẽ giữa bà N, anh T, chị X có xác lập hợp đồng vay tài sản với chứng cứ là hai giấy nợ ngày 07/02/2023 và ngày 20/4/2023 do chị X viết và anh T, chị X ký tên xác nhận, cụ thể ngày 07/02/2023 mượn 80.000.000đồng và ngày 20/4/2023 mượn 25.000.000đồng với thỏa thuận 12 ngày sẽ trả lại nhưng đến nay anh chị không trả đã vi phạm thỏa thuận giữa hai bên, làm thiệt thòi quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N. Do đó cần buộc anh T, chị X có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 105.000.000đồng là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

Xét yêu cầu tính lãi, bà N yêu cầu anh T, chị X trả lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 20/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/01/2024) là 08 tháng với số tiền 13.944.000đồng là có cơ sở phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị X, anh T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc chị Lê Thị X, anh Lê Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vốn 105.000.000đồng và tiền lãi là 13.944.000đồng, tổng cộng vốn, lãi là 118.944.000đồng (*Một trăm mười tám triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà N cho đến khi thi hành án xong, chị X, anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Lê Thị X, anh Lê Văn T phải chịu số tiền 5.947.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N được miễn nộp tạm ứng án phí nên không được hoàn lại.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng, chị X, anh T kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Nông xã;
- Lưu hồ sơ.

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình